

ĐÃ MÃ HÓA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2024/LĐ-PT

Ngày: 17-9-2024

V/v Tranh chấp về hợp đồng
lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Kim Anh

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thoa

Ông Nguyễn Ngọc Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động phúc thẩm thụ lý số 101/2023/TLPT-LĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 469/2022/LĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4896/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

- *Nguyên đơn:* ông **Trần T**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số A (số cũ: C), đường T, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH Đ.**

Địa chỉ trụ sở: Số B, đường H, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: ông **Phan Hoàng C**, sinh năm 1966. Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ liên lạc: Số B, đường Số H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn - Công ty TNHH Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:***

Ngày 01/1/2016, nguyên đơn ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ (sau đây gọi tắt là Công ty), thời hạn hợp đồng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2020, mức lương trong hợp đồng là 30.000.000đồng/tháng. Công việc cụ thể là làm dự án, lập hồ sơ, bổ túc hồ sơ, khảo sát, đo vẽ thực tế, quy hoạch dự án, đánh giá tác động môi trường, họp, làm việc, liên hệ với các cơ quan ban ngành liên về dự án Khu D tại Vườn Quốc gia B - N tại xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Khu du lịch"), theo Hợp đồng BCC với Vườn Quốc gia B - N, tỉnh Lâm Đồng.

Tuy nhiên, ngay từ khi ký hợp đồng lao động, bị đơn đã không trả lương cho nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lương nhưng bị đơn không thực hiện và Giám đốc của Công ty – ông Phan Hoàng C có hứa là sẽ trả lương cho nguyên đơn kể từ khi nguyên đơn ký hợp đồng lao động từ ngày 01/6/2016, cho đến khi dự án hoàn thành. Mặc dù nguyên đơn không đồng ý nhưng nguyên đơn nghĩ là dự án sẽ hoàn thành trong năm 2016 nên nguyên đơn không kiên quyết đòi tiền lương. Tuy nhiên, hết năm 2016 thấy dự án chưa thể hoàn thành nên nguyên đơn đã thường xuyên yêu cầu bị đơn trả lương nhưng bị đơn cố tình không thực hiện.

Nay nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán với số tiền là: 1.063.533.000 (một tỷ, không trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn) đồng phát sinh từ Hợp đồng lao động ngày 01/01/2016, cụ thể:

1/ Tiền lương: 28 tháng x 30.000.000đồng/tháng = 840.000.000đồng;

2/ Tiền bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/5/2017: 22%/tháng lương x 17 tháng x 30.000.000đồng/tháng = 112.200.000đồng;

3/ Tiền bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/6/2017 đến ngày 31/4/2018: 22%/tháng lương x 11 tháng x 30.000.000đồng/tháng = 70.950.000đồng;

4/ Tiền những ngày phép chưa nghỉ: 35 ngày x 1.153.800đồng/ngày = 40.383.000đồng.

Tại Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, và hòa giải, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, xác định lại yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

1/ Tiền lương: 28 tháng x 30.000.000đồng/tháng = 840.000.000đồng (thời gian từ ngày 01/1/2016 đến ngày 30/4/2018).

2/ Yêu cầu bị đơn đóng tiền bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/4/2018.

****Trong văn bản đề ngày 16/3/2020 của người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:***

Bị đơn ký kết hợp đồng lao động với nguyên đơn xuất phát từ tình cảm nhằm giúp nguyên đơn có thủ tục hợp lệ trong việc vay vốn ngân hàng mà không xuất phát từ nhu cầu công việc của bị đơn, nên không lưu giữ hợp đồng lao động vì không có thực, không làm thủ tục chấm công và báo cáo thuế đối với trường hợp của nguyên đơn, với những lý do như sau:

- Khi làm thủ tục xin Giấy phép đầu tư dự án Khu du lịch là công việc đòi hỏi có chuyên môn cao, làm việc với các cơ quan ban ngành và các chuyên gia nên Ban lãnh đạo Công ty phải trực tiếp thực hiện, trong khi nguyên đơn không có chuyên môn, tuổi tác lại cao, đi lại khó khăn....

- Theo bị đơn, từ ngày làm thủ tục xin cấp Giấy phép đầu tư dự án Khu du lịch chưa đi vào hoạt động nên chưa cần có bộ máy chuyên môn giúp việc như Phòng, B... Bên cạnh đó, hiện nay bị đơn không có bất kỳ hợp đồng lao động nào, bằng chứng là dự án Khu du lịch đang trong giai đoạn triển khai nên bị đơn không có doanh thu cũng như báo cáo thuế, chưa có tuyển nhân viên... Đây là hợp đồng lao động nhằm giúp nguyên đơn vay vốn ngân hàng, do đó bị đơn không có trách nhiệm phải thanh toán tiền lương cho nguyên đơn.

****Tại Bản án lao động sơ thẩm số 469/2022/LĐ-ST ngày 27/6/2022, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:***

Căn cứ khoản 1 Điều 23, Điều 24, Điều 96, Điều 201 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 3 Điều 85, Điều 86, Điều 89, khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 840.000.000đồng. Hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và bị đơn chấm dứt kể từ ngày 30/4/2018. Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Bị đơn phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc bổ sung cho nguyên đơn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/4/2018 với mức đóng tương ứng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và tiền lãi của số tiền chưa đóng, chậm đóng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

Nguyên đơn phải đóng phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc cho chính nguyên đơn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/4/2018 với mức đóng tương ứng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và tiền lãi của số tiền chưa đóng, chậm đóng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

3/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

+ Tiền bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/5/2017: $22\%/tháng \times lương \times 17 \text{ tháng} \times 30.000.000\text{đồng}/tháng = 112.200.000\text{đồng}$;

+ Tiền bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/6/2017 đến ngày 31/4/2018 $\text{đồng}/tháng = 70.950.000\text{đồng}$;

+ Tiền những ngày phép chưa nghỉ: $35 \text{ ngày} \times 1.153.800 \text{ đồng}/\text{ngày} = 40.383.000\text{đồng}$.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 28/02/2023, bị đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định số 29/2023/QĐ-PT ngày 04/7/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của bị đơn đối với bản án sơ thẩm.

****Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn kháng cáo không đồng ý đối với bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hoặc đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện. Căn cứ cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn như sau: bị đơn sau khi nhận được Giấy triệu tập ngày 20/02/2019 để làm việc vào ngày 01/3/2019, sau đó không nhận được bất cứ văn bản tố tụng của Tòa án. Không được tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và không thể trình bày ý kiến về thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, xác nhận Công ty không thay đổi địa chỉ trụ sở tại: Số B, đường H, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

****Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:***

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: tại Quyết định số 29/2023/QĐPT ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận Đơn kháng cáo của bị đơn đề ngày 28/02/2023. Do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Thủ tục tố tụng: người đại diện theo pháp luật của bị đơn cho rằng không nhận được văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó vấn đề Hội đồng xét xử cần đặt ra là việc tổng đạt có đảm bảo quy định pháp luật tố tụng, để xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2.1] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và trình bày của bị đơn tại phiên tòa xác nhận trụ sở Công ty không thay đổi tại địa chỉ: Số B đường H, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn trong vụ án là Công ty TNHH Đ, là một pháp nhân có địa chỉ trụ sở tại: Số B, đường H, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 74 và Điều 79 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Căn cứ Thông báo về việc đăng ký tạm trú cấp sổ tạm trú – số HK09A: 310911802, ngày 12/10/2018, Công an phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ông Phan Hoàng C đã đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Số A, đường Số A, Khu phố G, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xác nhận không thông báo địa chỉ này cho Tòa án cấp sơ thẩm.

[2.3] Căn cứ các biên bản về việc không thực hiện được việc tổng đạt tại địa chỉ trụ sở của bị đơn đối với các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, điều thể hiện không có người nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành niêm yết toàn bộ văn bản tố tụng trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 170, Điều 171, khoản 5 Điều 172, khoản 1 và khoản 3 Điều 173 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.4] Xét việc bị đơn thừa nhận chỉ nhận được Giấy triệu tập ngày 20/02/2020 để làm việc vào ngày 01/3/2020 và địa chỉ Tòa án gửi đến là trụ sở của Công ty. Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật của bị đơn không có mặt trực tiếp tại Tòa án cấp sơ thẩm, chỉ có văn bản đề ngày 16/3/2020 giải trình do người đại diện theo ủy quyền trình bày, ký tên. Mặt khác, người đại diện theo ủy quyền chỉ có thời hạn ủy quyền trong vòng 01 tháng (từ ngày 10/3/2020 đến ngày 10/4/2020). Điều này cũng cho thấy bị đơn không hợp tác trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, từ bỏ quyền tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, lời trình bày của bị đơn nêu sau đó không nhận được bất cứ văn bản tố tụng của Tòa án là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.5] Mặt khác, căn cứ Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định việc tổng đạt cho cơ quan, tổ chức phải được giao trực tiếp cho người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan, tổ chức nhưng không quy định tổng đạt cho người đại diện ở địa chỉ nào. Trong khi người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức hoạt động dưới danh nghĩa đại diện. Do đó, tổng đạt cho người đại diện phải tổng đạt theo địa chỉ doanh nghiệp, không tổng đạt theo địa chỉ cư trú của cá nhân người đại diện.

[2.6] Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt bằng hình thức niêm yết cho bị đơn tại địa chỉ trụ sở để giải quyết vắng mặt bị đơn là căn cứ theo quy định pháp luật. Không chấp nhận kháng cáo phần này của bị đơn.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: như nhận định nêu trên, bị đơn không tham gia bất cứ quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, cũng được xem là từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình tại Tòa án, không đưa ra yêu cầu áp dụng về thời hiệu khởi kiện trước khi Tòa án ban hành bản án. Do đó, yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm không được chấp nhận quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về thủ tục hòa giải cơ sở: do tranh chấp đòi tiền lương đã thông qua hòa giải cơ sở tại Phòng L là đã đảm bảo thủ tục tiền tố tụng theo quy định.

[5] Về nội dung: căn cứ Hợp đồng lao động với Công ty, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2020, mức lương trong hợp đồng là 30.000.000đồng/tháng. Công việc cụ thể là làm dự án, lập hồ sơ, bổ túc hồ sơ, khảo sát, đo vẽ thực tế, quy hoạch dự án, đánh giá tác động môi trường, họp, làm việc, liên hệ với các cơ quan ban ngành liên về dự án Khu du lịch (theo Hợp đồng BCC với Vườn Quốc gia B - N, tỉnh Lâm Đồng). Nguyên đơn cung cấp Hợp đồng lao động có chữ ký và con dấu của bị đơn tại phần người sử dụng lao động; lý do nguyên đơn không ký là do thấy không cần thiết vì đây là bản lưu của nguyên đơn. Do đó, lý do của bị đơn nêu Hợp đồng lao động do nguyên đơn cung cấp không có giá trị pháp vì nguyên đơn không ký là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Bị đơn thừa nhận có ký kết Hợp đồng lao động với nguyên đơn xuất phát từ tình cảm nhằm giúp nguyên đơn có thủ tục hợp lệ trong việc vay vốn ngân hàng mà không xuất phát từ nhu cầu công việc của bị đơn. Việc ký hợp đồng lao động chỉ phục vụ cho mục đích vay ngân hàng của nguyên đơn nên bị đơn không lưu giữ hợp đồng lao động này, không làm thủ tục chấm công và báo cáo thuế đối với trường hợp của nguyên đơn. Hợp đồng lao động với nguyên đơn không có thực, không đồng ý Hợp đồng lao động của nguyên đơn cung cấp với lý do không có chữ ký của nguyên đơn, nhưng không cung cấp được Hợp đồng lao động mà bị đơn lưu giữ cũng không có chữ ký của nguyên đơn.

[7] Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận việc nguyên đơn có mặt trong các cuộc họp được ghi nhận tại Biên bản họp vào các ngày 02/3/2016, ngày 20/4/2016, ngày 24/9/2016 và ngày 27/10/2017, nhưng bị đơn cho rằng trong các cuộc họp này do nguyên đơn xin đi theo và mỗi lần họp bị đơn đều trả tiền cho nguyên đơn. Nhưng không được nguyên đơn thừa nhận. Mâu thuẫn với nội dung cuộc họp ghi rõ chức danh của nguyên đơn tham gia cuộc họp theo Hợp đồng lao động đã ký.

[8] Nguyên đơn nêu không được nhận lương từ khi ký hợp đồng lao động, nhưng do tin tưởng vào hứa hẹn của bị đơn là hiện dự án chưa có doanh thu, nên chia sẽ khó khăn mà vẫn tiếp tục làm việc đến tháng 4/2018 làm đơn chấp dứt hợp đồng lao động sau nhiều lần yêu cầu bị đơn trả lương.

[9] Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng lao động giữa hai bên có giá trị thực hiện do hai bên tự nguyện, nguyên đơn có làm việc theo hợp đồng, việc thỏa thuận hình thức trả lương, thời hạn trả lương do hai bên tự nguyện. Bị đơn xác nhận không trả lương kể từ khi ký hợp đồng do hợp đồng giúp bị đơn thủ tục vay vốn ngân hàng, mâu thuẫn với trình bày tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn nộp quyết định cho thôi việc ngày 20/01/2016 với lý do xét văn bản kỷ luật nguyên đơn ngày 16/01/2016. Do đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Cần giữ nguyên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[10] Do kháng cáo không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2022); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 469/2022/LĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần T:

Buộc Công ty TNHH Đ trả cho ông Trần T số tiền 840.000.000 (tám trăm bốn mươi triệu) đồng. Hợp đồng lao động giữa ông Trần T và Công ty TNHH Đ chấm dứt kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2018.

Thi hành một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Công ty TNHH Đ phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc bổ sung cho ông Trần T từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/4/2018 với mức lương thỏa thuận theo hợp đồng lao động; theo tỷ lệ quy định

của Luật Bảo hiểm xã hội và tiền lãi của số tiền chưa đóng, chậm đóng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

Ông Trần T phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc cho chính nguyên đơn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/4/2018 với mức đóng tương ứng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và tiền lãi của số tiền chưa đóng, chậm đóng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

+ Tiền bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/5/2017: $22\%/tháng \text{ lương} \times 17 \text{ tháng} \times 30.000.000\text{đồng/tháng} = 112.200.000\text{đồng}$;

+ Tiền bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/6/2017 đến ngày 31/4/2018 $\text{đồng/tháng} = 70.950.000\text{đồng}$;

+ Tiền những ngày phép chưa nghỉ: $35 \text{ ngày} \times 1.153.800 \text{ đồng/ngày} = 40.383.000\text{đồng}$.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về Án phí:

- Án phí lao động sơ thẩm: ông Trần T không phải chịu, Công ty TNHH Đ phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 20.800.000 (hai mươi triệu, tám trăm nghìn) đồng.

- Án phí lao động phúc thẩm: Công ty TNHH Đ phải chịu án phí lao động phúc thẩm, được cản trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2023/0022213 ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh;
- TAND Q. Phú Nhuận;
- Chi cục THADS Q. Phú Nhuận;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Kim Anh

